

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO Ở CAMPUCHIA THỜI KÌ ANGKOR (802- 1434)

DƯƠNG VĂN HUY^(*)

Dân tộc Khmer là dân tộc rất sùng đạo và văn minh Khmer là nền văn minh tôn giáo. Các di tích, di sản còn lại trên mặt đất, hay được phát hiện qua các nghiên cứu khảo cổ học cũng như các tư liệu thành văn, các huyền thoại, truyền thuyết, v.v... cho thấy rõ điều đó. Các nhà nghiên cứu đã tìm thấy vô số những tượng thần, tượng Phật có giá trị văn hóa cao đã được tìm thấy trên khắp mọi miền của đất nước. Cùng với những tàn dư của tín ngưỡng nguyên thủy sùng bái thần tự nhiên có lẽ là vẫn được bảo tồn từ thời đại Phù Nam, trải qua thời gian xã hội Chân Lạp có hai tôn giáo lớn cùng tồn tại đó là đạo Phật và đạo Bàlamôn (Brahmana) và cả những yếu tố của Hindu giáo. Giữa hai tôn giáo này ít khi xảy ra tranh chấp hoặc xung đột nhau mà chúng thường hòa hợp, bổ sung cho nhau tạo thành một truyền thống khoan dung tôn giáo. Truyền thống tôn giáo đó đã chi phối tư tưởng, tình cảm, các cảm thức và sinh hoạt văn hóa của người Khmer cũng như đời sống chính trị, xã hội của dân tộc này.

I. TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI KHMER

Cội nguồn của văn hóa, văn minh của người Khmer được xây dựng từ những cư dân sống trên vùng hạ lưu sông Mekong

đã thoát khỏi trạng thái dã man của chế độ thị tộc thời nguyên thủy để bước sang thời đại văn minh của xã hội có giai cấp và có nhà nước. Trong đó, về mặt sinh hoạt tinh thần của cư dân Khmer ở đây, thì họ có tục thờ cúng thần linh và tổ tiên, tục xây dựng miếu đền trên những điểm cao: núi, đồi, hay gò. Họ thờ cúng một cách phổ biến thần Đất, thần Nước. Biểu tượng của những sức mạnh thiên nhiên, những sức mạnh có ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân trên mảnh đất này - nơi đất và nước quyết định sự no đói, giàu nghèo - là một con rắn chín đầu gọi là "Naga". "Naga" xuất hiện ngay từ khi lập nước Campuchia và sẽ sống với nước này trải qua mọi thời đại lịch sử như một vị thần bảo hộ đất nước. "Naga" đồng thời cũng là biểu tượng của tính liên tục lịch sử của xứ sở này và của nhân dân sống trên mảnh đất đó. Trong vũ trụ, họ quan niệm có một sự xung khắc, một sự đối lập giữa trời và đất, giữa núi và biển, giữa nước và lửa, giữa loài chim sống trên trời và loài cá sống dưới nước, v.v...

Cũng như các quốc gia trong khu vực thời đại bấy giờ, Campuchia sớm chịu

*. ThS., Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

nhiều ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ. Phật Giáo, Bàlamôn giáo (Brahmanism), v.v... đã thâm nhập vào xã hội Chân Lạp và có những tác động sâu sắc đến thời lập quốc. Văn bia Baksay Chamkrong có niên đại thế kỉ X viết về một đạo sĩ tu hành khổ hạnh tên là Kambu Svayambhuva, kết hôn với tiên nữ Mera, con gái của thần Siva. Hai người đã sinh ra các dòng vua *Kambuja*, con của *Kambu* hay *Kambujadesa* tức "Đất nước Kambuja". Theo chuyên gia về lịch sử cổ đại Campuchia Lawrence Palmer Briggs thì khái niệm "*svayambhuva*" có nghĩa là "bản ngã sáng tạo" (*self-creating*)⁽¹⁾. Tiên nữ Mera là do thần Siva ban cho Kambu Svayambhuva. Như vậy, yếu tố tôn giáo đã hòa quyện với huyền sử trong tâm thức của người Khmer về thời dựng nước. Tiên nữ Mera là biểu trưng của Đức thánh Mẫu (*Goddess*), của yếu tố "Mẹ" nguồn cội, được thiêng hóa nhằm tôn vinh tổ tiên. Nhiều khả năng tên gọi "*Kambu*", "*Kambuja*" hay "*Cambujadesa*" đã được cải biến để "phù hợp với tâm lí của người Khmer" ở thời kì sau đó.

Những tín ngưỡng truyền thống của người Khmer đã đặt nền tảng cho sự dung hợp các tôn giáo ngoại lai vào. Kết hợp những tín ngưỡng truyền thống với những yếu tố tôn giáo khác được du nhập vào, từ Ấn Độ sang hay từ Trung Hoa tới, để sản sinh tạo nên một nền văn hóa văn minh mới độc đáo riêng của người Khmer, nó vừa có tính chất sáng tạo độc đáo, lại vừa có tính chất dân tộc đậm đà. Văn hóa, văn minh Khmer chính là kết quả của sự kết hợp hài hoà và sáng tạo giữa nền văn hóa bản địa lâu đời - với tín ngưỡng sùng bái tự nhiên - với nền văn hóa Ấn Độ từ ngoài tới.

II. TÍN NGƯỠNG VUA - THẦN (DEVA-RAJA), NÚI - MIẾU THỜ (TEMPLE-MOUNTAIN)

Thời kì Angkor, bộ máy quan liêu nhà nước quân chủ chuyên chế là một bộ máy quan liêu phức tạp được xây dựng trên những nguyên tắc tổ chức chặt chẽ và theo những quan niệm tôn giáo của tín ngưỡng Vua- Thần (Deva-*raja*). Trong tấm bia ở Sdok Kak Thom có viết lại như sau: "*Lúc đó, nhà vua đi đến trị vì ở Manhendraparvata, và Đức ông Civakaivalya cũng đi đến ở trong kinh thành đó để phục vụ cho nhà vua như trước đây. Khi đó, một tăng lữ Bàlamôn có tên là Hiranyadâma, tinh thông ma thuật phù chú, đã tới xứ sở của ngài. Nhà vua bèn mời ông ta tổ chức một nghi lễ để cho đất nước của người Kambuja không phải phụ thuộc vào Java nữa, và để cho chỉ còn một vị quân vương duy nhất làm chúa tể thiên hạ gọi là Chakravartin. Vị Bàlamôn đã tiến hành một nghi lễ theo thánh thư Vinâcikka và lập ra thiết chế Vua - Thần (tiếng Phạn: *devarâja*, tiếng Khmer: *kamrateng jagat ta râja*). Ông ta giảng dạy thánh thư Vinâcikka, Nayottara, Sammoha, Ciraccheda. Ông đọc từ đầu đến cuối để viết và giảng giải những sách đó cho Đức ông Civakaivalya vào việc tế lễ và thờ cúng Vua- Thần và không chịu để cho những người khác tế lễ. Đức ông Civakaivalya, vị tư tế (*purohita*) đã chỉ định mọi người họ hàng của ngài vào công việc cúng tế này"*⁽²⁾.

Hiện ở Phnom Kulên, công trình di tích duy nhất có một phần kiến trúc hình

1. Lawrence Palmer Briggs. *A Sketch of Cambodia History*. The Association for Asian Studies: The Far Eastern Quaterly. Vol. 6, No. 4, Aug., 1947. tr. 348.

2. G. Coedès. *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*. Nxb. Thế giới, 2008. tr. 187.

chóp (hoặc gọi là kiến trúc đền hình Kim tự tháp: Pyramid-temple) là Krus Preah Aram Rong Chen. Người ta có thể chấp nhận rằng nó tương ứng với ngôi điện thờ Vua - Thần đầu tiên, và khi Jayavarman II cùng những người kế vị ông không còn đóng đô ở Mahendraparvata nữa, họ đã cho xây dựng nhiều đền thờ - núi (hay núi- miếu thờ) ở trung tâm những kinh thành của mình tiếp sau đó. Trong những thế kỉ sau, việc đóng đô của Jayavarman II trên núi Phnom Kulên đã được coi như là một sự kiện lịch sử đánh dấu sự khởi đầu của một thời đại mới. Trong những bia kí Jayavarman II thường được gọi nhiều nhất với danh hiệu “nhà vua dựng đô thành trên đỉnh núi Mahendra”⁽³⁾. Người ta không biết thời gian đóng đô trên núi Phnom Kulên bao lâu. Bia kí cũng cho biết: “Sau đó, nhà vua trở về trị vì trong đô thành Hariharâlaya và bức tượng Vua- Thần cũng được mang tới đó. Vị thầy tư tế và những người trong gia đình của ông ta vẫn hành lễ như trước. Vị tư tế mất khi ông còn trị vì. Rồi nhà vua mất trong thành Hariharâlaya có bức tượng Vua- Thần”⁽⁴⁾.

Với tín ngưỡng tôn giáo đó, những chức vụ quan trọng nhất của bộ máy nhà nước đều nằm trong tay những người đại diện của tầng lớp tăng lữ Bàlamôn cao cấp. Tầng lớp tăng lữ Bàlamôn cao cấp này vừa có nhiệm vụ quản lí trực tiếp công việc cúng tế và quản lí kinh tế các đền chùa, vừa có nhiệm vụ truyền bá tôn giáo “Deva-rajâ” và truyền thụ kiến thức văn hóa và khoa học trong nhân dân. Nhiều ông vua đã lấy những học giả Bàlamôn đi theo mình trong tất cả mọi cuộc di chuyển và trở thành người chủ tế của một tục thờ cúng Vua- Thần (Deva-rajâ)⁽⁵⁾.

Tám bia ở Sdok Kak Thom viết: “Khi họ đến khu phía Đông, nhà vua đã cấp cho gia đình thầy tư tế của mình một khoảng đất và một làng gọi là Kutî... Sau đó nhà vua đóng đô ở trong thành Hariharâlaya, thầy tư tế cũng ở trong thành phố đó, và những thành viên gia đình của ông được bỏ vào trong đội thị đồng”⁽⁶⁾. Riêng một số người ưu tú nhất, thông thái nhất và có uy tín nhất trong tầng lớp này thì được nhà vua cử giữ chức vụ cao quý nhất trong triều. Trước hết phải nói đến các vị cao tăng hoà thượng, trụ trì các đền chùa lớn, gọi là “purohita”, được các bút tích miêu tả là những người “hiểu biết khoa học của trái tim, hiểu sự mầu nhiệm của ma thuật và của câu thần chú, biết các bí mật của các nghi lễ tôn giáo, bí mật của tiếng chuông và tia chớp”. Những người này thường được nhà vua mời về kinh đô chủ trì các buổi lễ trọng thể ví như lễ dâng quang cho nhà vua hoặc để làm quân sư cho nhà vua trong những vấn đề quốc gia đại sự hay trong việc xét xử những vụ tranh chấp quan trọng về quyền sở hữu ruộng đất của quý tộc và đền chùa. Chẳng hạn như Suksh mavindu người đã đóng vai trò là “purohita” trong suốt thời gian trị vì của Jayavarman III, tiếp tục phục vụ cho Indravarman I, trong khi gia đình phục vụ cho “Deva-rajâ” như thường lệ, “dưới sự trị vì của H. M. Isvaraloka, “Deva-rajâ” cư trú ở Hariharalaya, tất cả thành viên

3. Xem thêm Lawrence Palmer Briggs. *The Ancient Khmer Empire*. Issued as Volume 41, Part 1, of the Transaction of the American Philosophical Society, 1951, tr. 88, 89.

4. G. Coedès. *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*. Nxb. Thế giới, 2008, tr. 190-192.

5. G. Coedès. *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*. Nxb. Thế giới, 2008, tr. 185.

6. G. Coedès. *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*. Nxb. Thế giới, 2008, tr. 185..

trong gia đình đã làm lễ cho *deva-rajā* trong lễ đăng quang⁽⁷⁾. Họ là những “purohita” của nhà vua, còn được gọi là “rajapurohita” thường xuyên sống bên cạnh nhà vua, được nhà vua hết sức tin dùng, được quyền ra vào nơi cung cấm, và khi nhà vua còn đang thơ ấu, thì được cử giữ chức nhiếp chính đại thần. Vị “rajapurohita” đầu tiên theo tín ngưỡng “Deve-rajā” do Jayavarman II đặt ra là Sivakaivalya, người đứng đầu một dòng họ Balamôn nổi tiếng thời bấy giờ, một dòng họ đã cung cấp cho các đời vua Angkor rất nhiều “purohita” có tính chất cha truyền con nối. Chính Sivakaivalya là người đứng ra tổ chức buổi lễ đăng quang cho Jayavarman II năm 822 trên đỉnh đồi Mahendra ở núi Phnom Kulen.

Vì các “rajapurohita” vốn là những bậc rất thông thái và có đức độ cao siêu, nên thường được chọn làm thầy học của vua, và với tư cách đó, họ được các nhà vua phong cho chức tước gọi là “guru” đòi hỏi phải thông thái 5 loại tri thức sau đây: ngữ pháp Sanskrit, khoa học, chính trị, tôn giáo, sử thi Mahabarata và Ramayana, và biết truyền thụ những tri thức đó cho học trò mình. Bắt đầu từ thời Jayavarman V trở đi các bút tích không nói đến các chức “rajapurohita” hay “purohita - deva-rajā” nữa, nhưng lại nói nhiều đến chức tước “guru”, người thầy đồng thời là người cố vấn chủ chốt, người thực hiện những ý đồ to lớn của nhà vua, trong đó có việc thiết kế và kiến trúc cung điện, và đền chùa. Jayavarman VI khi mới lên ngôi năm 1080 đã yêu cầu vị “guru” đáng kính của mình là Divacapandita tổ chức lễ đăng quang. Về sau, cũng có tổ chức những buổi lễ long trọng khác trong dịp nhà vua ban tặng ruộng đất cho quý tộc quan liêu và cho

các đền chùa. Divacapandita năm 1107 lại cũng tổ chức lễ đăng quang cho DaranIndravarman, em của Jayavarman VI, để rồi trái lại, ông vua này đưa người cháu nội của hai ông vua trước là Suryavarman II lên ngôi lúc còn rất trẻ. Dưới đời Jayavarman VII, chức tước “guru” được chuyển sang dòng họ tăng lữ mới là Mahgalarota. Nhà vua đã xây dựng riêng cho vị thái sư của mình ngôi đền Taprôm lộng lẫy, trong đó giữa các tượng thần Hindu giáo có pho tượng của “guru” Giayamalaro dưới dạng Bồ Tát (bodhisattvas).

Chúng ta biết rằng, vua Khmer là “Deva-rajā”, nhân vật trung gian giữa con người và các thế lực thần thánh, duy trì trật tự (dharma) đã được thiết lập do tổ tiên truyền lại, người thay mặt thần dân để vận động thế giới tâm linh ban phát sự phì nhiêu cho vương quốc mình. Thành phố của nhà vua chính là hình ảnh của vũ trụ được giải thích là núi Meru của đạo Hindu. Hiển nhiên là đức vua được coi như là người sáng tạo và chỉ huy các công trình công cộng nhằm đảm bảo sự phồn vinh. Như vậy, tôn giáo và các hệ thống kinh tế đã gắn bó mật thiết với nhau, và bắt nguồn từ tình trạng xã hội trước khi có bất cứ tác động nào của ảnh hưởng Ấn Độ. Groslier đã nhận xét rằng “*dưới cái vỏ Ấn Độ hào nhoáng, tôn giáo cơ bản của xã hội Khmer là tục tôn thờ nước và đất*”⁽⁸⁾.

Cũng như các quốc gia cổ đại Phương Đông khác, nhà nước Angkor ngay từ khi

7. Lawrence Palmer Briggs. *The Ancient Khmer Empire*. Issued as Volume 41, Part 1, of the Transaction of the American Philosophical Society. 1951, pp. 98.

8. D.G.E. Hall. *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb. Chính trị Quốc gia, HN, 1997, tr. 215.

mới ra đời, đã cần có một cơ sở tư tưởng phù hợp với xu hướng củng cố nền thống nhất quốc gia và xây dựng chế độ chuyên chế trung ương tập quyền. Cơ sở tư tưởng đó là tín ngưỡng Vua - Thần (deva-raja) mà sự biểu hiện cụ thể của nó là sự sùng bái ngẫu tượng Linga (*Phallus*) của nhà vua. *Linga được coi như là một biểu trưng của sức mạnh và tinh thần sáng tạo. Với biểu tượng linga, thần Siva đã được đẩy lên vị thế cao và trở thành nhân vật trung tâm trong thế giới tôn giáo.* Người sáng lập ra tín ngưỡng đó chính là Jayavarman II, người đã đặt nền móng cho sự thống nhất lãnh thổ Campuchia, sau khi giải phóng đất nước mình khỏi sự thống trị của người Java và tiêu trừ các thế lực phong kiến cát cứ trong nước. Điều này cũng được ghi chép trong bia kí Sdok Kak Thom như sau: *“Vua - Thần (Deva-raja) ngự trị trong tất cả mọi kinh thành mà các nhà vua đã rước đưa thần đến, với tư cách vị thần linh bảo hộ vương triều cho những vị quân vương tiếp sau”*⁽⁹⁾. Có thể đó chính là ngôi điện thờ hình kim tự tháp, được dựng lên trên một hòn núi thiên nhiên hoặc nhân tạo, kể từ đó trở thành trung tâm điểm của hoàng thành: điện Bakong ở Hariharâlaya (Roluos), điện Bakhèng trong đô thành Angkor đầu tiên, kim tự tháp lớn ở Koh Ker, điện Phimmeanakas, điện Baphuon và cuối cùng là đền tháp Bayon ở Angkor Thom.

Từ đó tín ngưỡng “Deva-raja” đã trở thành tín ngưỡng tôn giáo của cả nước. Mặc dù tín ngưỡng này bắt nguồn từ sự sùng bái thần Siva của đạo Hindu, nhưng phải thấy rằng đây là một sự sáng tạo độc đáo của người Khmer chứ không phải vay mượn hay rập khuôn máy móc theo tôn giáo Ấn Độ. Thần Siva được nhân cách hoá dưới hình dạng nhà vua mà nhà vua

thì được thần thánh hoá dưới dạng Linga của Siva (Sivalinga). Vua tức là thần, thần tức là vua. Tư tưởng về sự đồng nhất với vua đó được thể hiện rất rõ nét trong nhiều bút tích của thời đại Angkor. Tục lệ đặt tên thật cho các vua Khmer quá cố cũng nói lên được tư tưởng về sự đồng nhất thần với vua đó. Bất cứ một ông vua Khmer nào qua đời cũng đều được sự suy tôn bằng một tên thụy có tính chất thần bí và tôn nghiêm hơn; tên hiệu này được cấu thành bằng cách nối tên vua Khmer đó với chữ Siva hoặc chữ Deva ở đằng sau. Ví như Indraxvara là tên thụy của Indravarman, Rajendraxvara là tên thụy của Rajendrarvarman. Suryavarmandeva là tên thụy của Suryavarman. Có khi người ta đặt hẳn một biệt hiệu khác nói lên tính chất siêu phàm của những ông vua đã qua đời. Ví như Suryavarman I được gọi là Niecvanapada, Jayavarman IV được gọi là Paramasipada, v.v...

Từ thời Suryavarman, người ta đã bắt đầu tạc tượng các vua theo phong thái của các vị thần, ngay khi vua đang còn sống. Người ta cũng rất quan tâm đến việc tạo tượng thần sao cho giống người thực. Những pho tượng thần và Phật tạc dưới đời các vua Suryavarman II và Jayavarman VII cũng như những tháp có mặt ở đền Bayon là những bằng chứng cụ thể.

Tục lệ xây dựng đền chùa trên những đồi núi nhân tạo thường được gọi là Chùa tháp cũng nói lên tính chất thần thánh của chính quyền nhà vua. Trước đây ở thời đại tiền Angkor, người Khmer chỉ thờ thần trong các ngôi đền xây dựng trên các đỉnh núi thiên nhiên, xa nơi

9. G. Coedès. *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*. Nxb. Thế giới, 2008, tr. 193.

đông dân cư. Đến thời Angkor, với sự xuất hiện của tín ngưỡng Vua - Thần (Deva-*raja*), người ta phải nghĩ đến cách đắp đất và đá tạo một ngọn đồi cao rồi xây dựng trên đỉnh đồi nhân tạo đó một ngôi Chùa tháp để thờ tượng thần Linga của nhà vua ở kinh đô, phỏng theo quang cảnh các đền chùa ngày trước trên đỉnh đồi núi thiên nhiên. Chùa tháp cao vót mọc lên sừng sững ở trung tâm kinh đô, có thành cao và hào sâu bao bọc là hình ảnh thu nhỏ của ngọn núi vũ trụ Meru, nơi ở của các thần Indra, chúa tể của các thần, xung quanh có những dãy núi cao và đại dương bao bọc theo vũ trụ quan duy tâm thần bí của người Ấn Độ cổ đại.

Khái niệm về núi-miếu thờ (temple-mountain) có nguồn gốc còn sớm hơn nhiều so với bản thân việc tôn thờ thần Siva. Nó có từ thời Mesopotami cổ và từ đó đã lan sang cổ Ấn Độ, tại đó một số triều đại Hindu đã có những ngọn núi thiêng của mình. Như chúng ta đã thấy, Phù Nam có ngọn núi thiêng liêng của mình là Ba Nôm và ở Java các vị Sailendra là "các vị núi". Việc vua Jayavarman I thực hiện cách thờ cúng này là một cử chỉ thể hiện sự độc lập của mình, một dấu hiệu cho thấy đức vua tự trị cho mình là một đơn vị Chakravartin, tức vua của toàn thiên hạ. Và đối với ông vua và những người thừa kế của mình, điều đó có một ý nghĩa gần tương tự với ý nghĩa con voi trắng đối với các vị quốc vương là Phật tử thuộc phái Tiểu thừa. Trong vài thế kỉ từ đó trở đi, các vị vua Khmer đều có nghiệm vụ xây dựng núi-miếu thờ của mình nhằm bảo tồn tượng thần Linga Hoàng gia được coi là nơi cất giữ "cái tôi thiêng liêng của đức vua". Và do đó, đã xuất hiện các miếu thờ lớn, niềm vinh quang của khu vực Angkor.

Theo như văn khắc được ghi vào thế kỉ XI, đó là tấm bia Sdok Kak Thom đã được dịch vào năm 1915. Nhà vua bắt đầu triều đại của mình bằng việc đặt thủ đô mang tên là Indrapura tại một địa điểm mà nay được xác định là phía đông của Kompong Chàm, ở hạ lưu sông Mekong. Ở đó đức vua đã tin dùng một người theo đạo Bàlamôn tên là Sivakaivalya. Người này đã trở thành tu sĩ đầu tiên của giáo phái mới được đức vua biến thành tôn giáo chính thức, tôn giáo "Deva-*raja*", Vua - Thần, một hình thái của đạo thờ thần Siva tập trung thờ Linga được coi là nhân cách thiêng liêng, được thần Siva truyền lại cho đức vua thông qua vị giáo sĩ Bàlamôn. Người ta coi sự thịnh vượng của vương quốc này là gắn liền với phúc lợi của tượng thần linga hoàng gia mà Thánh đường nằm trên đỉnh một hòn núi-miếu thờ thiên tạo hay nhân tạo, ở trung tâm của thủ đô và được coi là trục vũ trụ.

Nhà vua với việc cai trị là để "ăn (lộc) vương quyền" xuất hiện với chúng ta như một vị thần dưới mặt đất hơn là một nhà cai trị. Kinh đô của ông với vòng thành bao quanh và đường hào chính là một vũ trụ thu nhỏ, được bao quanh bởi dãy núi Chakravala và đại dương. Trung tâm điểm của kinh đô được đánh dấu bằng một ngôi đền - núi (hay núi - miếu thờ) phỏng theo hình ảnh của núi Meru, trên đỉnh núi là một tượng Vua - Thần (Deva-*raja*), đó chính là cái trụ Linga hàm chứa "bản chất của vương quyền", cái "bản ngã tinh tế của nhà vua". Mỗi nhà vua nếu có thời gian và phương tiện đều xây dựng cho mình một ngôi đền- núi (núi - miếu thờ) ở trung tâm hình thành, và người ta có lí để nghĩ rằng sau khi chết đi, ngôi đền dành riêng cho cá nhân đó sẽ trở thành tòa lãng của ông ta, đồng thời nhà vua sẽ mang một tên

thuy chỉ rõ ông sẽ thăng (svargata) đến một phương trời nào đó và ông ta sẽ nhập vào vị thần nào đó⁽¹⁰⁾.

Bên cạnh đó, trong vô số những pho tượng Vishnu, Siva, Harihara, Lakshmi, Parvati, những pho tượng Bồ Tát mà Campuchia cổ đại đã để lại, chỉ có một số ít là biểu hiện một phong cách có thể nói là vô nhân xưng những gương mặt lớn của thần điện Ấn Độ. Còn đại đa số những ảnh tượng đó là hình ảnh của các nhà vua, hoàng tử hoặc những vị chức sắc lớn được hình dung với những nét của thần linh đã hoặc sẽ nhập vào hiện thân của các vị đó ở trần thế. Những tên gọi của các pho tượng đó thường được tạo nên bằng sự ghép hợp tên của các vua chúa với tên của thần linh, chúng tỏ đây là những đền thờ cúng cá nhân⁽¹¹⁾.

Tóm lại, ở Campuchia cũng như ở Ấn Độ và ở các nước Phương Đông cổ đại khác, thần thánh có làm cho chính quyền quân chủ trở nên thiêng liêng, nhưng trong các đền chùa người ta chỉ thờ những vị thần có tư chất thiêng liêng tuyệt đối, không bao giờ người ta thờ những vị vua chúa là những người chỉ mới có những biểu hiện của thần thánh mà thôi. Như vậy, rõ ràng *tín ngưỡng tôn giáo "Deva-rajā" của người Khmer ở thời*

đại Angkor là một thứ tín ngưỡng có tính chất thực dụng nhằm củng cố chính quyền chuyên chế trên cơ sở triết học thần bí⁽¹²⁾. Quốc gia Angkor là một nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền mạnh mẽ. Cũng giống như ở các quốc gia cổ đại Phương Đông khác, quyền lực trong nước tập trung cao độ vào tay các vua chúa Khmer. Và với tư cách là một dân tộc giàu lòng tín ngưỡng tôn giáo, người Khmer quan niệm vua chúa của họ là những kẻ đại diện cho thần, hơn thế nữa, là hiện thân của thần, là những vị thần sống. Các "varman" của thời đại Angkor được coi là những vị thần sống. Quyền lực của "varman" vô hạn còn ở chỗ là các "varman" tập trung trong tay cả vương quyền lẫn thần quyền, một đặc trưng khác của chủ nghĩa chuyên chế Phương Đông.

(Kì sau đăng tiếp)

10. G. Coedès. *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*. Nxb. Thế giới, 2008, tr. 219, 220.

11. G. Coedès. *L'apothéose au Cambodge*. Bull. Comm. archéol. Indochine, 1911, tr. 28; *Pour mieux comprendre Angkor*, tr. 43- 65, dẫn theo Coedès. *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*, Nxb. Thế giới, 2008, tr. 223.

12. Phạm Việt Trung, Nguyễn Xuân Kỳ, Đỗ Văn Nhung. *Lịch sử Campuchia*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1982, tr. 130.